

ATA KT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 13490 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019; Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2019; Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước; điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai 2019 (đợt 1) (sau đây gọi chung là dự toán điều chỉnh);

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày / /2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BKH ngày / /2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2019 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

**B. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT:**

I. Mục đích:

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự toán năm 2020 nhằm thực hiện tốt việc phát huy lợi thế, duy trì nhịp độ phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy nhà nước. Đồng thời thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Quan điểm chỉ đạo:

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

C. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế, các Sở, ngành, các huyện phối hợp thực hiện xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2020 dựa trên báo cáo đánh giá tình hình ước thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2019. Sở Tài chính đã làm việc, tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo nội dung Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2020.

Mặc dù nền kinh tế có những khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, phát triển chưa ổn định, chính sách thuế có nhiều thay đổi theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.... đã tạo áp lực lớn cho công tác thu ngân sách để hoàn thành chỉ tiêu được giao.

UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Kết quả ước thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2019:

1. Thu ngân sách nhà nước:

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn: 54.430.525 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán giao đầu năm và tăng 08% so với cùng kỳ năm 2018 (50.234.421 triệu đồng).

Cụ thể:

- Ước thu nội địa:

37.330.525 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán giao đầu năm và tăng 11% so với cùng kỳ năm 2018 (32.871.906 triệu đồng). Trong đó: thu từ xổ số kiến thiết 1.485.000 triệu đồng; thu từ tiền sử dụng đất là 5.000.000 triệu đồng).

Ước thực hiện thu ngân sách địa phương là 22.835.512 triệu đồng, đạt 111% so với dự toán. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và ghi thu tiền thuê đất thì thu ngân sách địa phương là 16.315.129 triệu đồng, đạt 92% so với dự toán.

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.100.000 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán giao đầu năm và bằng 99% so với cùng kỳ năm 2018 (17.219.885 triệu đồng).

Nhìn chung về tổng thể thu ngân sách năm 2019 đạt so với dự toán HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên nếu xét về cơ cấu thu thì phần lớn chủ yếu phát sinh từ các khoản thu tiền đất như thu tiền thuê mặt đất mặt nước đạt 220%, thu tiền sử dụng đất đạt 333%.

Bên cạnh đó thì các khoản thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh (khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nội địa) thì lại đạt rất thấp như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương (79%), thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương (88%), thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (79%) nên đã tác động ảnh hưởng đến số thu của ngân sách địa phương được hưởng (đạt 92%).

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Đánh giá tình hình thu ngân sách năm 2019

2.1 Thu nội địa:

*** Thuận lợi:**

- Công tác triển khai, tăng cường thanh tra, kiểm tra giám sát kê khai thuế của người nộp thuế, đặc biệt là các hộ kinh doanh trong năm luôn được chú trọng và quan tâm; Thường xuyên kiểm tra chống thất thu thuế trên lĩnh vực ăn uống, thương mại, dịch vụ; khảo sát tại địa bàn kinh doanh thực tế trong thời gian cao điểm, thời gian thấp điểm để xác định doanh thu bình quân, từ đó xác định mức doanh thu khoán cho phù hợp, chống thất thu đối với các hộ khoán thu. Bên cạnh đó thì việc rà soát, đôn đốc các doanh nghiệp chủ động nộp thuế vẫn luôn được thực hiện chủ trương chính sách của pháp luật và nhà nước.

- Thị trường bất động sản phát triển nóng đã tác động trực tiếp đến các khoản thu mang tính chất đột biến không thường xuyên như: Các khoản thu từ đất của các tổ chức và cá nhân, các công trình xây dựng vắng lại... đã đóng góp lớn đến tổng số thu trên địa bàn tỉnh.

- Nguyên nhân tăng thu là do thu nhập từ tiền lương tiền công, các khoản tiền thưởng tết, thưởng cuối năm của người lao động tăng; Mặt khác các doanh nghiệp đã thực hiện việc kê khai khấu trừ kịp thời theo từng tháng, không để

dồn vào quyết toán cuối năm như các năm trước đây. Ngoài ra, do các Chi Cục thuế trên địa bàn huyện và thành phố đều thu đạt và vượt dự toán. Trong đó thu từ đất trong dân tăng, dẫn đến thuế trước bạ nhà đất và thuế thu nhập cá nhân cũng tăng, thu từ trước bạ xe ô tô tăng là một trong những nguyên nhân chủ yếu góp phần vào số thu chung của toàn tỉnh.

- Việc tiếp thu và ghi nhận trong sổ giao dự toán của trung ương giảm so với cùng kỳ năm 2018 cũng là cơ sở để đảm bảo cho tỉnh hoàn thành dự toán trong năm 2019 tỉnh giao.

*** Khó khăn:**

- Do Cục Thuế đã nỗ lực rà soát thu sát số phát sinh trong năm 2018 nên số thu chuyển qua năm 2019 còn ít và một số trường hợp không còn phát sinh số phải nộp trong năm 2019.

- Các công ty kinh doanh, khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh giảm doanh thu do các đơn vị khai thác có số lượng các mỏ đất, cát, đá hết trữ lượng và đóng cửa như: Công ty VLXD Biên Hòa; Tổng công ty cấp nước Sài Gòn. Ngoài ra, một số doanh nghiệp có khó khăn trong hoạt động kinh doanh tiêu thụ giảm sút, dịch bệnh đối với các doanh nghiệp sản xuất thức ăn công nghiệp, doanh nghiệp chăn nuôi (CP, Cargill, Proconco, ...) chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc làm cho thị trường tiêu thụ sản phẩm của thị trường Trung Quốc giảm (Cao su, một số mặt hàng sợi của các DN FDI..), một số doanh nghiệp vắng lại giảm so với cùng kỳ do kết thúc các dự án như: Nhà thầu chính Công ty Sumitomo Mitsui, Công ty CJ Vina Agri. Bên cạnh đó thì các doanh nghiệp FDI thì phần lớn đều hoạt động xuất khẩu do đó không phát sinh số thuế GTGT phải nộp ở lĩnh vực nội địa.

Đối với công tác quản lý Hộ kinh doanh:

- Qua theo dõi, khảo sát của ngành Thuế cho thấy số thu của hộ kinh doanh còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng; công tác quản lý hộ, doanh thu một số ngành nghề chưa được kịp thời, phù hợp với thực tế.

- Quy định đối với công tác quản lý hộ cá thể tuy đã đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, nhưng vẫn còn một số thủ tục rườm rà, phức tạp, hình thức. Một bộ phận không nhỏ người nộp thuế nhận thức về nghĩa vụ và quyền lợi khi tham gia kinh doanh còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao, tình trạng bán hàng không lập hóa đơn, hoặc lập hóa đơn khống để hợp thức hóa cho hàng hóa nhập khẩu, khai doanh thu thấp hơn thực tế để gian lận trốn thuế vẫn còn diễn ra.

- Chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp là một trong những nguồn để phát triển doanh nghiệp. Tuy nhiên việc vận động các hộ kinh doanh lên doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Thực tế, rất nhiều hộ kinh doanh dù

có doanh thu lớn, đội ngũ nhân công đông đảo, nhưng vẫn chọn mô hình kinh doanh hộ gia đình do các thủ tục nâng cấp còn phức tạp khiến các cơ sở kinh doanh này không muốn chuyển đổi.

- **Nguyên nhân là do tình hình kinh tế xã hội:** Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 tại địa phương mặc dù đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực nhưng chưa thực sự vững chắc; tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn nhiều khó khăn. Đối với các đơn vị chiếm tỷ trọng thu lớn thường là những doanh nghiệp đã hoạt động ổn định không phát sinh thêm các yếu tố đột biến trong sản xuất kinh doanh như: đầu tư mở rộng hay chuyển nhượng dự án.

- **Nguyên nhân là do công tác giao dự toán:**

Mặc dù dự toán năm 2019 giao có giảm so với dự toán năm 2018. Tuy nhiên về cơ cấu thu vẫn còn một số khoản thu giao vượt so với tiềm năng khai thác của tỉnh. Cụ thể là nguồn thu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (nguồn thu chiếm tỷ trọng rất lớn 42% tổng thu nội địa) giao quá cao so với tình hình thực hiện của tỉnh. Cụ thể là qua các năm 2015-2018 nguồn thu này đều không đạt so với dự toán. Trong khi đó dự toán năm sau vẫn tiếp tục giao cao hơn so với dự toán năm trước dẫn đến tốc độ để mà đảm bảo đạt được dự toán là không thể. Do đó, việc để đảm bảo nguồn thực hiện nhiệm vụ ngân sách thì ngoài tính thực tế phát sinh thì còn phải vận dụng việc huy động, vận động nguồn lực từ các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh từ các năm trước, nên đã dẫn đến số thu thuế từ các doanh nghiệp này sẽ giảm dần cho những năm sau.

2.2 Thu xuất nhập khẩu:

Thuận lợi:

- Do tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục giữ ở mức ổn định nên số thuế nhập khẩu, GTGT tăng, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất tăng như: Mặt hàng chất dẻo, mặt hàng sản phẩm từ sắt thép, giấy, vải các loại, linh kiện phụ tùng xe máy, kim loại nôm tăng so với cùng kỳ.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được triển khai và đẩy mạnh về thủ tục hải quan điện tử đến các cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

- Việc phối hợp thu NSNN giữa các ngân hàng thương mại với Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa nhanh chóng khi chương trình liên tục tự động cập nhật giấy nộp tiền và giải tỏa nợ thuế cho doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế mới; tăng cường thanh

tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách.

Khó khăn:

- Một số mặt hàng kim ngạch nhập khẩu giảm như: Mặt hàng xăng dầu Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp giảm do xăng nhập khẩu giảm để chuyển sang sử dụng xăng sinh học được sản xuất trong nước; Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm dẫn đến số thuế giảm như: Mặt hàng hóa, sắt thép, nguyên phụ liệu thuốc lá, linh kiện, phụ tùng ô, điện gia dụng và linh kiện,...

- Địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai không có cửa khẩu, không có sân bay quốc tế, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là hàng nhập sản xuất xuất khẩu được miễn thuế, gia công và hàng nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất.

- Những mặt hàng có thuế suất, trị giá cao không được làm thủ tục tại địa phương (phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập) theo Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/06/2019 (thay thế Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 12/05/2017) của Thủ tướng Chính phủ như: ô tô, hàng tiêu dùng, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành (kiểm dịch thực vật theo danh mục của Bộ NN & PTNT quy định, kiểm tra chất lượng nhà nước,...).

- Do kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng giảm dẫn đến số thu thuế năm 2019 giảm như: mặt hàng xăng dầu, sắt thép các loại, nguyên phụ liệu dệt may giày da, sản phẩm hóa chất,...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu năm 2019.

2. Chi ngân sách địa phương:

* Ước tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 20.522.659 triệu đồng.

Bằng 99% dự toán giao đầu năm, tăng 11% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 6.704.917 triệu đồng.

Bằng 96% dự toán giao đầu năm, tăng 05% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 12.313.789 triệu đồng.

Tăng 01% dự toán giao đầu năm và tăng 01% so với dự toán cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 419.960 triệu đồng.

* Ước thực hiện chi đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương: 1.930.530 triệu đồng đạt 27% dự toán giao đầu năm.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

a) Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển:

- Việc cân đối vốn kế hoạch năm 2019 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thường xuyên tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao không để xảy ra nợ đọng.

* Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn sau:

- Trong quá trình triển khai thực hiện một số dự án thực hiện giải phóng mặt bằng chậm, thực hiện thi công chậm so với tiến độ phê duyệt hoặc có tiến độ giải ngân chậm.

- Nhiều dự án khởi công mới chậm có kết quả đấu thầu xây lắp được duyệt để triển khai do phải thực hiện các bước thủ tục theo quy định mới của Luật Đầu tư công.

- Tiến độ thực hiện giải ngân của một số dự án còn chậm.

- Việc hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế, hồ sơ đấu thầu của một số đơn vị chủ đầu tư thực hiện còn chậm.

Nguyên nhân khách quan:

- Vào mùa mưa tiến độ thi công các công trình, dự án bị ảnh hưởng, đình trệ không thể thực hiện dẫn đến không có khối lượng để thanh toán giải ngân vốn đầu tư.

- Phương thức giải ngân vốn đầu tư công cơ bản khác so với giải ngân vốn thường xuyên, phải có khối lượng mới có thể làm thủ tục thanh toán với kho bạc nhà nước, không thường xuyên, không định kỳ như chi thường xuyên. Riêng một số dự án khởi công mới (kể cả mua sắm thiết bị) thường giải ngân vào cuối năm, những tháng đầu năm tập trung công tác hoàn chỉnh hồ sơ để tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Trong quá trình thực hiện còn có một số hộ dân chưa đồng ý bàn giao mặt bằng, không cho thực hiện công tác kiểm đếm và khiếu kiện trong công tác bồi thường. Có trường hợp đến nay vẫn chưa hoàn chỉnh thủ tục giao đất để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công do vướng thủ tục pháp lý liên quan, mặc dù đã có kết quả trúng thầu; quy trình thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tốn rất nhiều thời gian từ khâu ban hành kế hoạch thu hồi đất, xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường ... đến công khai phương án bồi thường và tổ chức chi trả tiền cho người dân.

- Do chuyển đổi chủ đầu tư, một số dự án phải có quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường mới phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công theo quy định, do quan ngại của nhà tài trợ về vấn đề Dioxin nên chưa thể ký kết hợp

đồng vay lại, vướng thủ tục nguồn vốn đầu tư từ nguồn vay vốn sang vốn đầu tư công nên chưa triển khai bước tiếp theo (dự án Trung tâm chiếu xạ).

Nguyên nhân chủ quan:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư chưa quyết liệt trong việc đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công công trình và lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán; việc hoàn chỉnh hồ sơ để tổ chức đấu thầu thi công công trình còn chậm (07 dự án đến nay mới hoàn chỉnh hồ sơ để chuẩn bị đấu thầu thi công xây lắp).

- Việc triển khai của các địa phương trong công tác bồi thường còn chậm và chưa quyết liệt trong việc triển khai công tác bồi thường. Cụ thể một số dự án đã giao kế hoạch để thực hiện trong năm 2018 đến nay vẫn chưa thực hiện hoàn thành công tác bồi thường và một số dự án đã giao kế hoạch từ đầu năm tuy nhiên đến nay mới triển khai công tác đo vẽ, kiểm đếm.

- Năng lực đơn vị tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình còn hạn chế nên trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh, thiết kế bổ sung, việc hoàn chỉnh thủ tục điều chỉnh mất nhiều thời gian và trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc triển khai lập hồ sơ chủ trương đầu tư, dự án đầu tư chưa sát với thực tế, chưa tính toán đầy đủ giá trị bồi thường nên phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi. Chủ đầu tư chưa đôn đốc tiến độ thực hiện và chưa rà soát kỹ mặt bằng thi công bị vướng đường dây cao thế phải ngừng thi công một thời gian.

- Việc triển khai hồ sơ chậm nên một số dự án vẫn chưa hoàn thành hồ sơ để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

* Riêng đối với Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế sân bay Long Thành: hiện đang triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đào tạo nghề và hoàn chỉnh hồ sơ các hạng mục có cấu phần xây dựng, đã hoàn thành công tác bồi thường 02 khu tái định cư và dự kiến cuối năm 2019 sẽ thực hiện xong công tác bồi thường đất cao su của Tập đoàn cao su Việt Nam, bồi thường đất của các tổ chức ..., dự kiến cuối năm 2019 sẽ triển khai thi công khu tái định cư Lộc An – Bình Sơn, các dự án thành phần còn lại dự kiến sẽ triển khai trong quý I và quý II/2020 và chi trả tiền cho người dân trong năm 2020 để bàn giao mặt bằng triển khai dự án Sân bay Quốc tế Long Thành.

b) Đánh giá tình hình chi thường xuyên:

Về chi thường xuyên trong năm 2019 về cơ bản vẫn đáp ứng kịp thời kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức.

Các lĩnh vực chỉ được ước tính trên cơ sở theo nhu cầu thực tế của từng ngành, từng địa phương phát sinh trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 5.151.307 triệu đồng đạt 100% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí hỗ trợ miễn giảm cho học sinh học nghề theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, kinh phí sửa chữa các trường, kinh phí đề án sửa học đường, kinh phí đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên và cán bộ quản lý, kinh phí thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực (Mục tiêu 1: Đào tạo lao động kỹ thuật có tay nghề cao theo chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn, đáp ứng nhu cầu kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh, từng bước nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động kỹ thuật đảm bảo xu thế hội nhập quốc tế),...

- Chi sự nghiệp y tế: 1.099.800 triệu đồng đạt 124% so với dự toán đầu năm. Cơ bản đảm bảo kinh phí thực hiện tốt công tác như: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống HIV/AIDS, Kinh phí mua sắm đầu tư trang thiết bị cho ngành y tế trên địa bàn tỉnh, kinh phí thực hiện các chính sách thu hút, trợ cấp, hỗ trợ nhân viên ngành y tế,...

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 78.150 triệu đồng đạt 71% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh, đảm bảo kinh phí thực hiện chương trình khoa học và công nghệ. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện một số dự án vẫn chưa được triển khai thực hiện nên tiến độ giải ngân đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao.

- Chi lĩnh vực văn hóa thông tin: 166.978 triệu đồng, đạt 112% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Kinh phí cải tạo sửa chữa tầng trệt rạp Đồng Nai (rạp Khánh Hưng cũ) thành sân khấu múa rối nước; kinh phí cải tạo, sửa chữa một phần khối nhà 03 tầng hiện hữu thành nhà tập luyện của Đoàn Ca múa,...

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 962.814 triệu đồng đạt 98% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa bàn, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP, kinh phí cho vay hộ cận nghèo và cho vay hỗ trợ tạo việc làm; Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu hệ thống trợ giúp xã hội; kinh phí thực hiện Nghị định 26/2017/NĐ-CP,...

- Chi sự nghiệp kinh tế: 1.250.737 triệu đồng đạt 88% so với dự toán đầu năm. Trong sự nghiệp kinh tế, tỉnh Đồng Nai đã tập trung đảm bảo các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; kinh

phí thực hiện dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm; kinh phí đầu tư các thiết bị an toàn giao thông khắc phục điểm đen; Kinh phí thực hiện nạo vét khơi thông dòng chảy lòng suối, kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh và đường thủy nội địa năm 2019, kinh phí thực hiện các dự án của sự nghiệp đất đai - tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản,....

- Chi sự nghiệp môi trường: 521.084 triệu đồng, đạt 78% dự toán đầu năm. Trong đó chủ yếu thực hiện nhiệm vụ các dự án, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, kinh phí xử lý rác,....

- Chi quản lý hành chính: 1.839.189 triệu đồng đạt 104% dự toán đầu năm. Trong đó cơ bản đảm bảo đủ để thực hiện chi lương mức tiền lương tối thiểu, đảm bảo định mức chi hoạt động cho các đối tượng là cán bộ công chức, cán bộ không chuyên trách, trường các đoàn thể theo Nghị quyết số 77, 78/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 của HĐND tỉnh,...

Tóm lại, về cơ bản chi ngân sách địa phương năm 2019 có tăng so với dự toán đầu năm của HĐND tỉnh giao chủ yếu là do trong năm điều hành ngân sách phát sinh các nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh mà dự toán đầu năm chưa có nguồn để bố trí. Trong đó chủ yếu là kinh phí tăng lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 1/7/2019, kinh phí trợ cấp nghỉ việc, kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách về an sinh xã hội, bảo hiểm y tế, người nghèo, trẻ em, bảo hiểm thất nghiệp, chi cho công tác phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề, chi khoa học - công nghệ, chi cho công tác bảo vệ môi trường,... Bên cạnh đó, vẫn còn một số sự nghiệp chi có tỷ lệ đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao nguyên nhân chủ yếu là do trong năm một số dự án vẫn chưa được triển khai thực hiện, một số dự án khác mặc dù đã triển khai nhưng do các yếu tố khách quan nên chậm triển khai hoặc không thể tiếp tục thực hiện được nữa nên phải giảm dự toán giao đầu năm do thu ngân sách địa phương không thể đảm bảo. Ngoài ra thì việc thực hiện tiết kiệm 10% ngay từ đầu năm để dành nguồn cải cách tiền lương cũng là nguyên nhân làm cho một số sự nghiệp đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao.

c) Ước chi dự phòng ngân sách: 419.960 triệu đồng (về nội dung chi từ nguồn dự phòng UBND tỉnh sẽ có báo cáo riêng).

3. Điều hành ngân sách năm 2019:

- UBND tỉnh duy trì giao ban định kỳ ngành Tài chính để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách, theo dõi chỉ đạo ngành Thuế, chính quyền địa phương các cấp tích cực khai thác nguồn thu để đảm bảo nhiệm vụ chi của địa phương, hạn chế hỗ trợ, bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách bám sát dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm, tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và chống lãng phí.

- Sở Tài chính thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách để theo dõi bám sát số thu vào ngân sách và tốc độ tăng giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao; định kỳ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu chi hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, để từ đó đã chủ động rà soát các nhiệm vụ chi, chính sách phát sinh trong năm để tổng hợp tham mưu trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung dự toán trong các kỳ họp bất thường, giữa năm và cuối năm.

Tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn trong trường hợp ngân sách địa phương giảm thu so với Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành. Xử lý nguồn và trình các phương án bù hụt thu, điều chỉnh các nhiệm vụ chi không còn thực hiện hoặc chưa triển khai thực hiện để phân bổ cho các nhiệm vụ có nhu cầu cấp thiết phát sinh.

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án điều chỉnh tỷ lệ điều tiết phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất do tình hình biến động bất động sản phát sinh lớn trên địa bàn các huyện và thành phố.

- Các sở, ban, ngành và địa phương đã thực hiện nghiêm túc việc tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ đầu năm để dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình tăng lương của Chính phủ.

D. BỐ CỤC NỘI DUNG DỰ THẢO:

*** Xây dựng dự toán ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2020:**

1. Dự báo tình hình kinh tế:

Năm 2020, là năm cuối của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, là năm thứ tư của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2016-2020 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2020. Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các Doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp có vốn nhà nước tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

UBND tỉnh xây dựng dự toán năm 2020 nhằm thực hiện mục tiêu: Tiếp tục phát huy lợi thế, duy trì nhịp độ phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc

sống người dân; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy nhà nước. Đồng thời thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ tiêu dự toán Chính phủ giao:

Năm 2019 Chính phủ giao dự toán cho Đồng Nai như sau:

a) Tổng thu NSNN: 53.140.000 triệu đồng.

Bằng 98% so với dự toán năm 2019 và bằng 98% so với ước thực hiện 2019.

Bao gồm:

- Thu nội địa: 35.640.000 triệu đồng.

Bằng 96% so với dự toán năm 2019 và bằng 95% so với ước thực hiện 2019.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.500.000 triệu đồng.

Tăng 02% so với dự toán năm 2019 và tăng 02% so với ước thực hiện 2019.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 27.489.671 triệu đồng.

b.1) Chi ngân sách địa phương trong cân đối: 20.403.504 triệu đồng.

Bằng 99% so với dự toán năm 2019 và bằng 91% so với ước thực hiện

2019. Bao gồm:

- Chi tạo nguồn thực hiện CCTL 785.395 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 6.971.652 triệu đồng.

Bằng 100% so với dự toán năm 2019 và bằng 93% so với ước thực hiện

2019, gồm:

+ Chi nguồn ngân sách tập trung 3.931.652 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn tiền thu tiền sử dụng đất 1.500.000 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.540.000 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 12.220.087 triệu đồng.

Tăng 01% dự toán năm 2019 và bằng 90% so với ước thực hiện 2019.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo 4.919.798 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 110.694 triệu đồng.

- Chi trả nợ lãi: 3.500 triệu đồng.

- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách: 419.960 triệu đồng.

b.2) Chi ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu

Ngân sách Trung ương: 7.064.767 triệu đồng.

b.3) Chi bổ sung chương trình mục tiêu từ ngân sách trung ương: 21.400 triệu đồng.

3. Nguyên tắc phân bổ dự toán năm 2020:

3.1 Về thu NSNN trên địa bàn:

- Dự toán thu ngân sách trong cân đối bằng chỉ tiêu pháp lệnh của Chính phủ giao (cả thu nội địa và thu xuất nhập khẩu).

- Dự toán thu nội địa giao nhiệm vụ cho các huyện, thành phố theo đúng phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, dựa trên kết quả thu ngân sách năm 2019, các chính sách làm giảm thu và khả năng khai thác nguồn thu của từng địa phương để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu.

3.2. Về thu ngân sách địa phương:

- Dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; giữa ngân sách địa phương và ngân sách cấp huyện, xã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Dự toán thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu, nguồn chương trình mục tiêu từ ngân sách trung ương được bố trí vốn theo đúng mục tiêu và nhiệm vụ Chính phủ giao.

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 chuyển sang được bố trí thực hiện mức lương cơ sở tăng từ 1.210 triệu đồng – 1.490 triệu đồng theo đúng lộ trình tăng lương của Chính phủ.

- Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2019 được sử dụng để phân bổ cho khối tỉnh và khối huyện để thực hiện các dự án phát sinh trên địa bàn.

3.2 Về chi ngân sách địa phương:

- Phân bổ chi đầu tư phát triển:

- + Thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công, yêu cầu tại các Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ: Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. Phân bổ vốn ưu tiên hoàn trả các khoản vay, tạm ứng đến hạn trả. Bố trí vốn phải đảm bảo cơ cấu tối thiểu của ngành giáo dục và đào tạo và khoa học công nghệ theo quy định của Trung ương.

- + Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Phân bổ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, trong đó phân điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh hưởng 40% (30% trích vào quỹ phát triển đất, 10% trích vào quỹ phát triển nhà ở), ngân sách cấp huyện hưởng 60% để chi đầu tư phát triển, ngân sách cấp huyện chỉ bố trí dự án khi có số thực thu nguồn này vào ngân sách. Riêng đối với các dự án bán đấu giá có giá trị trúng đấu giá từ 100 tỷ trở lên/cuộc đấu giá phân bổ theo Nghị quyết số 155/2019/NQ-HĐND ngày 28/5/2019 của HĐND tỉnh.

- Phân bổ dự toán chi thường xuyên:

- + Phân bổ dự toán cho các địa phương (cấp huyện) theo số dự toán năm

2019 và bổ sung các chính sách mới phát sinh trong năm 2020.

+ Phân bổ dự toán cho các đơn vị (khối tỉnh) theo số dự toán năm 2019 và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, các chính sách mới được ban hành trong năm 2020, cắt giảm kinh phí các nhiệm vụ đã hoàn thành, các chính sách sẽ hết hiệu lực trong năm 2020.

+ Dành nguồn dự phòng để thực hiện các chính sách chế độ mới phát sinh theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh dự kiến thông qua tại các kỳ họp và những phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Lập quỹ dự trữ tài chính: Bằng chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Dự phòng ngân sách: Bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Chính phủ giao.

4. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2020:

Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: 53.140.000 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Thu nội địa: 35.640.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 1.500.000 triệu đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: 1.540.000 triệu đồng.

b) Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 17.500.000 triệu đồng.

5. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2020: 29.127.450 triệu đồng.

- Các khoản thu trong cân đối: 20.403.504 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 7.086.167 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ nguồn CCTL: 1.137.779 triệu đồng.

- Vượt thu tiền sử dụng đất năm 2019: 500.000 triệu đồng.

6. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 29.127.450 triệu đồng.

6.1 Dự toán chi trong cân đối: 22.233.515 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Dự toán chi tạo nguồn CCTL: 785.395 triệu đồng.

b) Dự toán chi đầu tư phát triển: 7.471.652 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi XD CB nguồn vốn tập trung: 3.931.652 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.000.000 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.540.000 triệu đồng.

c) Dự toán chi thường xuyên: 13.520.058 triệu đồng.

d) Chi trả nợ lãi: 3.500 triệu đồng.

e) Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

g) Dự phòng ngân sách: 450.000 triệu đồng.

6.2. Dự toán chi đầu tư từ nguồn bổ sung

Ngân sách Trung ương: 6.893.935 triệu đồng.

Tóm lại: Dự toán năm 2020 về cơ bản chỉ đảm bảo đủ cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, ổn định chính trị, an ninh trật tự, phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội,... trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành và các nội dung trình bày nêu trên, UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX - kỳ họp thứ 13 xem xét, quyết định dự toán ngân sách năm 2020 như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước: 53.140.000 triệu đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương: 29.127.450 triệu đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương: 29.127.450 triệu đồng.
- + Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh: 17.417.461 triệu đồng.

Trong đó:

Chi đầu tư phát triển: 4.504.427 triệu đồng.

Chi thường xuyên: 5.292.543 triệu đồng.

+ Dự toán chi ngân sách cấp huyện, xã: 11.709.989 triệu đồng

Trong đó:

Chi đầu tư phát triển: 2.967.225 triệu đồng.

Chi thường xuyên: 8.227.515 triệu đồng.

- Bổ sung ngân sách cấp huyện, xã: 5.369.384 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)

7. Các giải pháp tổ chức thực hiện dự toán ngân sách:

7.1. Các giải pháp thu ngân sách nhà nước

- Sớm phân khai và giao dự toán thu ngân sách năm 2020 cho các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hoà để chủ động tập trung chỉ đạo đơn đốc thu, tăng cường khai thác nguồn thu ngay từ đầu năm. Đánh giá kỹ tình hình thu ngân sách của các địa phương để giao chỉ tiêu phân đầu tăng thu năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính tích cực trong công tác thu ngân sách và tăng khả năng cân đối của từng cấp ngân sách.

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, từ đó tổ chức thu kịp thời các khoản phải nộp ngân sách theo các chính sách hiện hành và chính sách mới sẽ có hiệu lực thi hành trong năm 2020. Đánh giá những tác động đến số thu ngân sách do thực hiện các Luật thuế mới được ban hành và có hiệu lực trong năm 2020 để kịp thời có giải pháp quản lý và khai thác nguồn thu phù hợp.

- Tập trung khai thác nguồn thu theo chiều sâu, thực hiện ủy nhiệm thu thuế cho các bưu điện đối với hộ kinh doanh khoán thuế, thực hiện lập bộ thuế hộ kinh doanh nộp thuế khoán trên chương trình quản lý của ngành thuế,...

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết

toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước.

- Kiểm tra thu nợ đọng thuế từ các năm trước và các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm toán. Áp dụng có hiệu quả các biện pháp cưỡng chế thuế để thu hồi nợ, phấn đấu đảm bảo tỷ lệ theo quy định của ngành. Kiên quyết thu hồi nợ thuế đối với các doanh nghiệp và đối tượng nộp thuế có điều kiện nộp nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính có hiệu quả, áp dụng phương thức quản lý thuế tiên tiến để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật thuế để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác chấp hành.

- Định kỳ đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, dịch vụ và thực hiện hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường.

7.2. Các giải pháp chi ngân sách địa phương:

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả.

- Phân bổ chi thường xuyên ưu tiên đảm bảo thực hiện các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, bố trí dự toán chi phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ bằng hoặc cao hơn dự toán Trung ương giao. Phân bổ chi sự nghiệp kinh tế ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ kết thiết thị chính của các đô thị lớn, duy trì các tiêu chí về nông thôn mới, đảm bảo vốn thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, nghiêm túc thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên, đặc biệt tiết kiệm chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa chi phí tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước.... Phối hợp với Kho bạc Nhà nước các cấp tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách nhà nước, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu đã quy định.

- Thực hiện rà soát và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, xác định lại nguồn thu trên cơ sở các mức giá, phí mới để tính

mức hỗ trợ từ ngân sách cho phù hợp. Kiểm soát việc sử dụng nguồn thu sự nghiệp được để lại theo đúng quy định hiện hành.

7.3. Giải pháp điều hành ngân sách:

- Các cấp ngân sách thực hiện chi trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp và dự toán được giao, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán và ứng vốn, trừ trường hợp thật sự cần thiết, cấp bách và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Rà soát các đề án, chính sách để lồng ghép các nhiệm vụ chi, giảm bớt sự trùng lặp chồng chéo. Sắp xếp nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của từng cấp ngân sách.

- Theo dõi đánh giá và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong quá trình thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về định mức chi ngân sách và tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020.

- Rà soát, tập trung các nguồn lực ngân sách của địa phương ngay từ đầu năm để cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi. Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm tăng chi ngân sách, trường hợp cần thiết phải ban hành yêu cầu phải đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện.

- UBND các cấp tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và dự báo thu chi ngân sách, trên cơ sở số thực thu vào ngân sách để bố trí giải ngân nhiệm vụ chi, trường hợp tiến độ thu ngân sách chưa đạt kế hoạch phải chủ động điều chỉnh ngay nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ chi lương và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ số thực thu nguồn này vào ngân sách thì mới bố trí vốn cho dự án, tránh tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản và mất cân đối ngân sách.

UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX - kỳ họp thứ 13 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

Phụ lục I

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 13490/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	NĂM 2019		DỰ TOÁN NĂM 2020	SO SÁNH %		
		DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		UTH 2019/ DTBN 2019	DT 2020/ DTBN 2019	DT 2020/ UTH 2019
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6=3/2
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	54.291.000	54.430.525	53.140.000	100%	98%	98%
I	Thu nội địa	37.191.000	37.330.525	35.640.000	100%	96%	95%
	(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết)	34.206.000	30.845.525	32.600.000	90%	95%	106%
1	Thu từ các DNNN Trung Ương	2.580.000	2.050.100	2.083.000	79%	81%	102%
-	Thuế giá trị gia tăng	1.324.400	1.250.000	1.170.000	94%	88%	94%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	600	100		17%	0%	0%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	863.000	500.000	473.000	58%	55%	95%
-	Thuế tài nguyên	392.000	300.000	440.000	77%	112%	147%
2	Thu từ các DNNN Địa phương	2.692.000	2.380.000	2.115.000	88%	79%	89%
-	Thuế giá trị gia tăng	815.000	700.000	760.000	86%	93%	109%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1.177.000	1.000.000	750.000	85%	64%	75%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	650.000	600.000	550.000	92%	85%	92%
-	Thuế tài nguyên	50.000	80.000	55.000	160%	110%	69%
3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	14.179.000	11.260.000	12.085.000	79%	85%	107%
-	Thuế giá trị gia tăng	4.458.000	2.900.000	3.895.000	65%	87%	134%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	350.000	350.000	400.000	100%	114%	114%
	Thu từ hàng hóa dịch vụ nhập khẩu bán ra trong nước	8.500	137.234	170.800	1615%	2009%	124%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.361.000	8.000.000	7.780.000	85%	83%	97%
-	Thuế tài nguyên	10.000	10.000	10.000	100%	100%	100%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	4.872.000	4.872.000	5.254.000	100%	108%	108%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.247.000	3.247.000	3.416.000	100%	105%	105%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	35.000	35.000	40.000	100%	114%	114%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.500.000	1.500.000	1.698.000	100%	113%	113%
-	Thuế tài nguyên	90.000	90.000	100.000	100%	111%	111%
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.800.000	5.400.000	5.800.000	93%	100%	107%
6	Lệ phí trước bạ	1.280.000	1.500.000	1.580.000	117%	123%	105%
7	Thuế bảo vệ môi trường	510.000	540.000	570.000	106%	112%	106%
-	Thu từ hàng hóa nhập khẩu	320.300	305.957	358.000	96%	112%	117%
-	Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	189.700	234.043	212.000	123%	112%	91%
8	Thu phí, lệ phí	500.000	500.000	550.000	100%	110%	110%
-	Phí lệ phí trung ương	180.000	180.000	155.000	100%	86%	86%

STT	Nội dung các khoản thu	NĂM 2019		DỰ TOÁN NĂM 2020	SO SÁNH %		
		DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		UTH 2019/ DTĐN 2019	DT 2020/ DTĐN 2019	DT 2020/ UTH 2019
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6=3/2
-	Phí lệ phí địa phương. Trong đó:	320.000	320.000	395.000	100%	123%	123%
	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	110.000		130.000	0%	118%	
9	Thuế nhà đất	62.000	62.000	62.000	100%	100%	100%
10	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	600.000	1.320.000	1.200.000	220%	200%	91%
11	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	5.000.000	1.500.000	333%	100%	30%
12	Thu hoa lợi công sản	1.000	1.000	1.000	100%	100%	100%
13	Thu khác ngân sách	750.000	500.300	800.000	67%	107%	160%
	Trong đó:						
-	Phạt VPHC do cơ quan trung ương thực hiện	266.213	265.000	330.000	100%	124%	125%
14	Thu KHCB, tiền bán nhà thuộc SHNN		125				0%
15	Thu từ thu nhập sau thuế	200.000	230.000	300.000	115%	150%	130%
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	180.000	230.000	200.000	128%	111%	87%
17	Thu xổ số kiến thiết	1.485.000	1.485.000	1.540.000	100%	104%	104%
-	Thuế giá trị gia tăng		470.000	490.000			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		119.000	130.000			
-	Thu từ thu nhập sau thuế		296.000	310.000			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		600.000	610.000			
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.100.000	17.100.000	17.500.000	100%	102%	102%
-	Thuế xuất khẩu	80.000		100.000	2.000.000	100.000	125.000
-	Thuế nhập khẩu	2.545.000		2.000.000	0%	79%	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	160.000		100.000	0%	63%	
-	Thuế bảo vệ môi trường	115.000		125.000	0%	109%	
-	Thuế giá trị gia tăng	14.200.000		15.175.000	0%	107%	
	** TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	27.656.851	29.866.442	29.127.450	108%	105%	98%
A	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	27.656.851	29.866.442	29.127.450	108%	105%	98%
1	Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	20.625.921	22.835.512	20.403.504	111%	99%	89%
-	Các khoản thu 100%	6.630.787	10.806.525	7.806.000	163%	118%	72%
-	Thu phân chia theo tỷ lệ %	13.995.134	12.028.987	12.597.504	86%	90%	105%
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ 1.210 - 1.490			1.137.779			
3	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	7.030.930	7.030.930	7.086.167	100%	101%	
a	Nguồn vốn đầu tư XDCB (Hỗ trợ có mục tiêu)	7.030.930	7.030.930	6.893.935	100%	98%	98%
b	Nguồn vốn thường xuyên			170.832			
c	Nguồn vốn sự nghiệp (Chương trình mục tiêu)			21.400			
4	Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2019			500.000			
B	Bội chi						

Phụ lục II

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 13490/TTTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	NĂM 2019		NĂM 2020			SO SÁNH %			
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	TỔNG CỘNG	KHỎI TỈNH	KHỎI HUYỆN	NĂM 2019		NĂM 2020	
							DT ĐN	CÙNG KỲ	DTĐN 2019	UTH 2019
A	B	1	2	3	4	5	4=2/1	5=2/CK	6=3/1	7=3/2
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	20.625.921	20.522.659	22.233.515	10.523.526	11.709.989	99%	111%	108%	108%
A	Chi cân đối ngân sách địa phương:	20.625.921	20.522.659	22.233.515	10.523.526	11.709.989	99%	111%	108%	108%
I	Chi đầu tư phát triển:	6.978.860	6.704.917	7.471.652	4.504.427	2.967.225	96%	105%	107%	111%
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	3.993.860	3.794.167	3.931.652	2.593.952	1.337.700	95%		98%	104%
	Trong đó: Bội thu	62.400	62.400							
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.500.000	1.500.000	2.000.000	950.000	1.050.000	100%		133%	133%
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.485.000	1.410.750	1.540.000	960.475	579.525	95%		104%	109%
II	Chi thường xuyên. Trong đó	12.143.108	12.313.789	13.520.058	5.292.543	8.227.515	101%	101%	111%	110%
1	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	626.321	730.522	637.618	148.389	489.229	117%	115%	102%	87%
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.172.849	5.151.307	5.316.651	1.362.827	3.953.824	100%	110%	103%	103%
3	Chi sự nghiệp y tế - dân số và gia đình	886.569	1.099.800	1.209.132	1.209.132		124%	111%	136%	110%
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	110.563	78.150	110.694	110.694		71%	166%	100%	142%
5	Chi sự nghiệp văn hóa	149.147	166.978	164.753	101.486	63.267	112%	107%	110%	99%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	106.666	120.332	125.738	92.030	33.708	113%	92%	118%	104%
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	26.960	17.876	32.855	-	32.855	66%	71%	122%	184%
8	Chi đảm bảo xã hội	979.214	962.814	1.029.583	422.824	606.759	98%	127%	105%	107%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	1.415.257	1.250.737	1.656.541	757.519	899.022	88%	80%	117%	132%
10	Sự nghiệp quản lý môi trường	664.336	521.084	741.097	175.455	565.642	78%	84%	112%	142%
11	Chi quản lý hành chính	1.767.948	1.839.189	2.012.961	734.728	1.278.233	104%	88%	114%	109%
12	Chi khác ngân sách	237.278	375.000	482.435	177.459	304.976	158%	82%	203%	129%
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	1.011.083	1.011.083	785.395	554.481	230.914	100%		78%	78%
IV	Dự phòng ngân sách	419.960	419.960	450.000	165.665	284.335	100%		107%	107%
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	2.910	2.910		100%	100%	100%	100%
VI	Chi trả nợ lãi vay đầu tư CSHT	70.000	70.000	3.500	3.500		100%	92%	5%	5%
B	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	0	0	0	0	0				
C	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	7.030.930	1.930.530	6.893.935	6.893.935	0	27%		98%	357%
1	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.030.930	1.930.530	6.893.935	6.893.935		27%		98%	357%
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	27.656.851	22.453.189	29.127.450	17.417.461	11.709.989	81%	121%	105%	130%

PHỤ LỤC III

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 13440/TTTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019
1	2	3
	CHI THƯỜNG XUYỀN	5.292.543
I	CHI QUỐC PHÒNG	84.351
-	Bộ chỉ huy QS tỉnh	74.351
-	Dự phòng	10.000
II	CHI AN NINH	64.038
-	Công an tỉnh	54.038
-	Dự phòng	10.000
III	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	1.362.827
1	Chi sự nghiệp giáo dục	928.138
-	Sở Giáo dục và đào tạo	911.523
-	Trường Đại học Đồng Nai	6.100
-	Sở Lao động Thương binh Xã hội	10.515
-	Dự phòng	-
2	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	434.689
-	Đại học Đồng Nai	56.440
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	60.541
-	Trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai	42.223
-	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	23.555
-	Trường Chính trị Đồng Nai	20.770
-	Sở Lao động TB&XH	99.900
-	Sở Nội vụ	25.980
-	Sở Khoa học và Công nghệ	9.000
-	Sở Giáo dục - Đào tạo	20.000
-	Sở Y tế	13.728
-	Sở Ngoại vụ	1.183
-	Bộ chỉ huy QS tỉnh	9.651
-	Công an tỉnh	700
-	Trường Năng khiếu thể thao	34.091
-	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật	12.035
-	Nhà Hát nghệ thuật Đồng Nai	675
-	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	3.467
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	750
-	Dự phòng	-
IV	CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	-
V	CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	110.694
-	Sở Khoa học - công nghệ	76.370
-	Văn phòng Ban quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	18.460
-	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học	9.265
-	Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật	6.599
VI	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1.209.132
-	Sở Y tế	926.577
-	Bảo hiểm Y tế	280.000
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.555

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019
		101.486
VII	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	65.400
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7.727
-	Tỉnh đoàn	5.514
-	Khu bảo tồn thiên nhiên và văn hóa	490
-	Liên đoàn lao động tỉnh	18.855
-	Văn phòng UBND tỉnh	3.500
-	Nhà Xuất bản Đồng Nai	92.030
VIII	CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO	480
1	Văn phòng Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	91.550
2	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	175.455
IX	CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	15.759
-	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa	4.123
-	BQL Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai	142.300
-	Sở Tài nguyên môi trường	13.273
-	Các ngành:	2.048
+	Sở Y tế	100
+	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.391
+	Sở Công Thương	200
+	Sở Thông tin và Truyền thông	5.634
+	BQL các khu công nghiệp	1.900
+	Công an tỉnh	757.519
X	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	259.055
1	Chi sự nghiệp nông - Lâm nghiệp - PTNT	135.856
a	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	84.890
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn:	50.966
-	Khu bảo tồn thiên nhiên VH ĐN	94.259
b	Chi sự nghiệp nông nghiệp	94.259
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	28.940
c	Sự nghiệp thủy lợi	6.700
-	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	107
-	Chi Cục Thủy sản	22.133
-	Chi cục Trồng trọt, BVTV & Thủy lợi	25.455
2	Chi sự nghiệp công thương	10.161
-	Trung tâm Khuyến công	9.944
-	Trung tâm Xúc tiến thương mại	5.350
-	VP sở công thương	357.156
3	Chi sự nghiệp giao thông	315.156
-	Sở Giao thông vận tải	2.000
-	Khu bảo tồn thiên nhiên VH ĐN	-
-	Công an tỉnh	40.000
-	Trợ giá xe buýt	41.300
4	Chi sự nghiệp tài nguyên, địa chính, ..	41.300
-	Sở Tài nguyên & Môi trường	40.000
5	Chi sự nghiệp quy hoạch	-
-	Sở Xây dựng	40.000
-	Kinh phí quy hoạch cấp huyện	11.032
6	Chi sự nghiệp du lịch	8.042
-	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	990
-	Văn phòng Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.000
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	23.521
7	Sự nghiệp kinh tế khác	19.021
-	Sở Thông tin Truyền Thông	4.500
-	Ban quản lý đầu tư xây dựng	-
8	Dự phòng	-

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019
XI	CHI QUẢN LÝ HCNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	734.728
1	Chi QLNN	422.346
-	VP HĐND Tỉnh	16.284
-	VP UBND Tỉnh	40.573
-	Sở Thông tin và Truyền thông	6.753
-	Sở Nội vụ	55.896
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	18.899
-	Sở Khoa học - công nghệ	7.939
-	Thanh tra nhà nước	8.192
-	Sở Công thương	17.442
-	Sở Tài nguyên và môi trường	18.369
-	Sở Tư pháp	18.922
-	Sở Nông nghiệp & PTNT	54.013
-	Sở Giao thông vận tải	19.213
-	Sở Y tế	12.476
-	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	10.200
-	Sở Xây dựng	13.832
-	Sở Tài chính	27.274
-	Sở Lao động TBXH	15.765
-	Ban Dân tộc	13.830
-	Sở Giáo dục - đào tạo	14.280
-	Sở Ngoại vụ	9.900
-	Ban quản lý các KCN Đồng Nai	18.537
-	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	3.757
2	Đảng	214.000
3	Hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	10.615
-	Hội chữ thập đỏ	3.732
-	Hội người mù	933
-	Hội Cựu Thanh niên xung phong	2.368
-	Hội Nạn nhân chất độc da cam/ Dioxin	884
-	Hội Người cao tuổi	1.228
-	Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đày	1.470
4	Chi tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp	87.767
a	Chi tổ chức chính trị, xã hội	56.233
-	UBMT Tổ quốc	10.882
-	Tinh đoàn	16.175
-	Hội liên hiệp phụ nữ	7.571
-	Hội nông dân	16.982
-	Hội cựu chiến binh	4.623
b	Chi tổ chức nghề nghiệp	31.534
-	Hội nhà báo	1.339
-	Hội Văn học nghệ thuật	5.180
-	Liên minh HTX	6.972
-	Hội Luật gia	1.022
-	Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật	7.599
-	Hội khuyến học	2.740
-	Hội Sinh viên	1.263
-	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	5.231
-	Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ	188
XII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	422.824
-	Sở Lao động Thương binh Xã hội	252.824
-	Dự phòng	170.000
XIII	CÁC KHOẢN CHI KHÁC	7.644

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019
		5.506
-	Sở Tư pháp	994
-	VP UBND tỉnh	943
-	Ban quản lý các KCN Đồng Nai	201
-	Sở Kế hoạch đầu tư (TT tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp)	169.815
XIV	CHI KHÁC	

Phụ lục IV
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 18/ĐQT-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐỊNH QUẢN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
	A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Nhiệm vụ thu NS cấp huyện, xã		8.315.980	3.685.000	394.350	885.000	220.950	214.500	97.700	333.680	370.950	206.700	1.063.450	839.700
*	Nhiệm vụ thu từ tiền SD đất		6.815.980	3.215.000	334.350	689.000	185.950	179.500	85.700	255.680	340.950	186.700	713.450	639.700
1	Thuế công thương nghiệp, NQD		3.347.700	1.680.000	210.000	225.000	58.000	105.000	46.200	123.000	119.500	31.000	402.000	348.000
-	Thuế giá trị gia tăng	47%	2.564.600	1.270.000	115.000	187.800	41.800	83.600	40.200	91.300	96.000	27.200	330.700	281.000
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	47%	13.500	7.000	200	1.700	200	600	300	1.200	500	0	1.000	800
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	47%	707.100	388.000	59.800	35.000	13.500	20.000	5.300	25.000	22.000	3.500	70.000	65.000
-	Thuế tài nguyên	100%	62.500	15.000	35.000	500	2.500	800	400	5.500	1.000	300	300	1.200
2	Thuế thu nhập cá nhân	47%	1.248.000	445.000	50.000	94.000	51.000	33.000	16.500	55.000	70.500	63.000	180.000	190.000
3	Lệ phí trước bạ	100%	1.580.000	780.000	15.000	320.000	59.000	15.000	10.700	32.000	120.000	85.000	84.300	59.000
4	Thuế bảo vệ môi trường	47%	20.000	17.000	0	0	0	0	0	2.000	0	0	300	700
5	Thu phí, lệ phí. Trong đó:		240.100	110.000	32.000	13.000	6.900	6.500	4.700	19.000	10.000	4.000	20.000	14.000
-	Trong căn đối	100%	151.800	60.000	25.000	10.000	5.000	5.000	2.800	10.000	7.300	2.500	13.200	11.000
6	Thuế SDD phi nông nghiệp - Thuế nhà đất	100%	58.750	43.000	2.100	2.500	950	600	400	2.500	800	200	2.500	3.200
7	Tiền thuế mặt đất, mặt nước	100%	29.330	20.000	6.000	2.500	50	0	80	150	150	0	200	200
8	Thu tiền sử dụng đất	60%	1.500.000	470.000	70.000	200.000	35.000	35.000	12.000	78.000	30.000	20.000	350.000	200.000
9	Thu hoa lợi công sản	100%	900	0	250	0	50	300	120	30	0	0	150	0
10	Thu khác ngân sách. Trong đó:		291.200	120.000	9.000	32.000	10.000	19.100	7.000	22.000	20.000	3.500	24.000	24.600
-	Thu căn đối	100%	101.700	51.000	3.200	19.000	4.200	5.500	1.200	5.100	2.700	500	5.300	4.000
B	Thu công thương nghiệp - Ngoài quốc doanh (Tinh thu huyện hưởng). Trong đó:		1.906.300	900.000	12.000	210.000	5.000	0	5.000	15.000	80.000	4.300	295.000	380.000
-	Thuế tài nguyên.	100%	34.000	25.000	0	0	0	0	0	0	0	0	9.000	0
C	Thu căn đối ngân sách huyện (không bao gồm tiền sử dụng đất)		5.038.965	2.404.940	197.940	602.895	124.155	91.684	47.331	144.345	258.380	134.560	522.910	509.825
1	Huyện hưởng từ nhiệm vụ huyện thu		4.124.984	1.968.690	192.300	504.195	121.805	91.684	44.981	137.295	220.780	132.539	379.490	331.225
-	Số thu Huyện hưởng 100%		1.984.980	969.000	86.550	354.500	71.750	27.200	15.700	55.280	131.950	88.500	105.950	78.600
-	Số thu Huyện hưởng theo tỷ lệ		2.140.004	999.690	105.750	149.695	50.055	64.484	29.281	82.015	88.830	44.039	273.540	252.625

STT	CHỈ TIÊU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THỐNG NHẤT	ĐÌNH QUÁN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
	A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Huyện hưởng từ nhiệm vụ tính thu		913.981	436.250	5.640	98.700	2.350	0	2.350	7.050	37.600	2.021	143.420	178.600
-	Số thu Huyện hưởng 100%.		34.000	25.000	0	0	0	0	0	0	0	0	9.000	0
-	Số thu Huyện hưởng theo tỷ lệ.		879.981	411.250	5.640	98.700	2.350	0	2.350	7.050	37.600	2.021	134.420	178.600
D	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh		5.369.384	166.029	494.480	206.750	506.442	835.256	848.278	535.949	606.230	606.875	403.291	159.804
1	Bổ sung cân đối		4.181.859		427.480	177.507	413.046	694.651	695.948	474.231	526.512	514.300	165.946	92.239
2	Bổ sung có mục tiêu		809.525	166.029	67.000	29.244	52.173	67.000	62.000	41.213	27.000	29.343	227.624	40.898
-	Bổ sung đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		579.525	166.029	27.000	29.244	52.173	27.000	62.000	41.213	27.000	29.343	77.624	40.898
-	Bổ sung có mục tiêu khác		230.000		40.000			40.000					150.000	
3	Bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh		378.001	-	-	-	41.223	73.605	90.330	20.505	52.718	63.232	9.721	26.667
E	Thu từ nguồn tại đơn vị		401.640	152.088	17.911	29.403	21.163	25.286	10.797	26.690	28.390	31.908	27.065	30.939
1	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (60%)		34.762	-	2.513	6.189	3.524	741	2.573	6.110	1.200	1.665	5.240	5.007
2	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (40%)		21.930	-	1.675	2.793	2.439	494	1.715	4.073	800	1.110	3.493	3.338
3	Thu từ nguồn CCTLT tại địa phương		344.948	152.088	13.723	20.421	15.200	24.051	6.509	16.507	26.390	29.133	18.332	22.594
F	Tiền sử dụng đất ngân sách huyện được hưởng chưa tính vào cân đối ngân sách		900.000	282.000	42.000	120.000	21.000	21.000	7.200	46.800	18.000	12.000	210.000	120.000

ỦY BAN DÂN DÀN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục V

DỰ TOÀN CHI NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số 12490/TT-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐỊNH QUẢN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CÀM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠC
A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	11.709.989	3.005.057	752.331	959.048	672.760	973.226	913.606	753.784	911.000	785.343	1.163.266	820.56
A	CHI CẢN ĐÒI NGÂN SÁCH	10.080.464	2.557.028	683.331	809.805	599.587	925.226	844.406	665.771	866.000	744.000	725.642	659.67
I	Chi đầu tư phát triển:	1.337.700	171.720	125.131	110.492	86.479	139.938	148.524	102.751	130.170	115.813	107.846	98.83
I	Chi đầu tư XD CB cấp trung	1.337.700	171.720	125.131	110.492	86.479	139.938	148.524	102.751	130.170	115.813	107.846	98.83
II	Chi thường xuyên	8.227.515	2.040.738	543.449	680.509	499.918	766.206	677.969	548.240	717.968	612.789	594.987	544.74
I	Chi sự nghiệp môi trường	585.642	295.800	26.663	42.293	20.400	32.350	18.830	28.350	20.107	11.855	44.219	44.77
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	3.993.824	873.257	244.626	353.570	249.532	396.364	365.492	251.308	406.800	332.417	281.788	238.67
3	Các sự nghiệp khác	3.648.049	871.681	272.160	284.646	229.985	337.492	293.647	268.582	291.061	268.517	268.980	261.25
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	230.914	230.914	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Dự phòng ngân sách	284.335	113.656	14.751	18.804	13.191	19.082	17.913	14.780	17.862	15.398	22.809	16.01
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN KHÁC	1.629.525	448.029	69.000	149.244	73.173	48.000	69.200	88.013	45.000	41.343	437.624	160.81
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (ngân sách huyện hương)	900.000	282.000	42.000	120.000	21.000	21.000	7.200	46.800	18.000	12.000	210.000	120.01
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (tỉnh bổ sung)	150.000	-	0	0	0	0	0	0	0	0	150.000	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu bổ sung xổ số kiến thiết	579.525	166.029	27.000	29.244	52.173	27.000	62.000	41.213	27.000	29.343	77.624	40.81

DVT: Tiền đồng

ỦY BAN DÂN DÀN
TỈNH ĐỒNG NAI

Phụ lục VI

SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN,
THÀNH PHỐ TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 13490/TT-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách huyện, xã được hưởng theo phân cấp	Huyện hưởng từ nhiệm vụ tính thu CTN NQD	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (60%)	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (40%)	Thu từ nguồn CCTL tại địa phương	Dự toán chi cân đối ngân sách huyện, xã	Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố			
									Tổng số	Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
		1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11
A	B											
1	Thành phố Biên Hòa	3.215.000	1.968.690	436.250	0	0	152.088	2.557.028	166.029	0	0	166.029
2	Huyện Vĩnh Cửu	324.350	192.300	5.640	2.513	1.675	13.723	683.331	494.480	0	427.480	67.000
3	Huyện Trảng Bom	689.000	504.195	98.700	6.189	2.793	20.421	809.805	206.750	0	177.507	29.244
4	Huyện Thống Nhất	185.950	121.805	2.350	3.524	2.439	15.200	599.587	506.442	41.223	413.046	52.173
5	Huyện Định Quán	179.500	91.684	0	741	494	24.051	925.226	835.256	73.605	694.651	67.000
6	Huyện Tân Phú	85.700	44.981	2.350	2.573	1.715	6.509	844.406	848.278	90.330	695.948	62.000
7	Thành phố Long Khánh	255.680	137.295	7.050	6.110	4.073	16.507	665.771	535.949	20.505	474.231	41.213
8	Huyện Xuân Lộc	340.950	220.780	37.600	1.200	800	26.390	866.000	606.230	52.718	526.512	27.000
9	Huyện Cẩm Mỹ	186.700	132.539	2.021	1.665	1.110	29.133	744.000	606.875	63.232	514.300	29.343
10	Huyện Long Thành	713.450	379.490	143.420	5.240	3.493	18.332	725.642	403.291	9.721	165.946	227.624
11	Huyện Nhơn Trạch	639.700	331.225	178.600	5.007	3.338	22.594	659.670	159.804	26.667	92.239	40.898
	TỔNG SỐ	6.815.980	4.124.984	913.981	34.762	21.930	344.948	10.080.464	5.369.384	378.001	4.181.859	809.525

Ghi chú:

- Dự toán thu, chi ngân sách huyện, xã (cột 1 và cột 7) chưa bao gồm: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện được hưởng (900.000 triệu đồng) và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn thu xổ số kiến thiết (579.525 triệu đồng).
- Bổ sung cân đối ngân sách nêu trên bao gồm ngân sách huyện và ngân sách xã.
- Bổ sung có mục tiêu bao gồm:
 - Bổ sung mục tiêu từ nguồn thuế tài nguyên nước cho huyện Định Quán và Vĩnh Cửu: 40.000 triệu đồng/huyện trong chi sự nghiệp kinh tế, huyện sử dụng nguồn này để chi cho các công trình nông thôn mới.
 - Bổ sung có mục tiêu từ nguồn thu xổ số kiến thiết để đầu tư theo đúng quy định của Bộ Tài chính về sử dụng nguồn này: 579.525 triệu đồng.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương,
phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới
của tỉnh Đồng Nai năm 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX- KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nội dung giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2020 theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, như sau:

1. Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 53.140.000 triệu đồng.
 - Dự toán thu nội địa: 35.640.000 triệu đồng.
 - Dự toán thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 17.500.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Dự toán thu ngân sách địa phương: 29.127.450 triệu đồng.
 - Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia: 20.403.504 triệu đồng.
 - + Các khoản thu được hưởng 100%: 7.806.000 triệu đồng.
 - + Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 12.597.504 triệu đồng.

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương
từ 1.210 – 1.490 triệu đồng 1.137.779 triệu đồng.
- Thu bổ sung hỗ trợ có mục tiêu từ
ngân sách Trung ương: 7.086.167 triệu đồng.
- Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2019: 500.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

- 3. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 29.127.450 triệu đồng.
- a) Tổng dự toán chi trong cân đối ngân sách: 22.233.515 triệu đồng.

Bao gồm:

- Dự toán chi tạo nguồn CCTL: 785.395 triệu đồng.
- Dự toán chi đầu tư phát triển: 7.471.652 triệu đồng.

Trong đó:

- + Chi XD CB nguồn vốn tập trung: 3.931.652 triệu đồng.
- + Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.000.000 triệu đồng.
- + Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.540.000 triệu đồng.
- Dự toán chi thường xuyên: 13.520.058 triệu đồng.

Trong đó:

- + Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 5.316.651 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 110.694 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi: 3.500 triệu đồng.
- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 450.000 triệu đồng.

- b. Dự toán chi đầu tư từ nguồn bổ sung
có mục tiêu Ngân sách Trung ương: 6.893.935 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

- 4. Dự toán chi khôi tỉnh: 17.417.461 triệu đồng.

- a) Các khoản chi trong cân đối: 10.523.526 triệu đồng.

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 554.481 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển: 4.504.427 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 5.292.543 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi: 3.500 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 165.665 triệu đồng.

- b) Chi đầu tư từ nguồn bổ sung
có mục tiêu Ngân sách Trung ương: 6.893.935 triệu đồng.

- 5. Dự toán khôi huyện:

- a) Dự toán thu NSNN: 8.315.980 triệu đồng.

- b) Dự toán chi ngân sách: 11.709.989 triệu đồng.

Trong đó:

- Dự toán chi đầu tư: 2.967.225 triệu đồng.
- Dự toán chi thường xuyên: 8.227.515 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 284.335 triệu đồng.
- 6. Bổ sung ngân sách cấp huyện: 5.369.384 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VI đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020 và đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết phải điều chỉnh dự toán, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài chính; Bộ KHĐT;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PTH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương,
phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới
của tỉnh Đồng Nai năm 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX- KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nội dung giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2020 theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, như sau:

1. Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 53.140.000 triệu đồng.
 - Dự toán thu nội địa: 35.640.000 triệu đồng.
 - Dự toán thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 17.500.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Dự toán thu ngân sách địa phương: 29.127.450 triệu đồng.
 - Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia: 20.403.504 triệu đồng.
 - + Các khoản thu được hưởng 100%: 7.806.000 triệu đồng.
 - + Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 12.597.504 triệu đồng.

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ 1.210 – 1.490 triệu đồng	1.137.779 triệu đồng.
- Thu bổ sung hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:	7.086.167 triệu đồng.
(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)	
3. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương:	29.127.450 triệu đồng.
a) Tổng dự toán chi trong cân đối ngân sách:	22.233.515 triệu đồng.
Bao gồm:	
- Dự toán chi tạo nguồn CCTL:	785.395 triệu đồng.
- Dự toán chi đầu tư phát triển:	7.471.652 triệu đồng.
Trong đó:	
+ Chi XDCB nguồn vốn tập trung:	3.931.652 triệu đồng.
+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	2.000.000 triệu đồng.
+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	1.540.000 triệu đồng.
- Dự toán chi thường xuyên:	13.520.058 triệu đồng.
Trong đó:	
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	5.316.651 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	110.694 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi:	3.500 triệu đồng.
- Chi lập quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	450.000 triệu đồng.
b. Dự toán chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu Ngân sách Trung ương:	6.893.935 triệu đồng.
(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)	
4. Dự toán chi khối tỉnh:	17.417.461 triệu đồng.
a) Các khoản chi trong cân đối:	10.523.526 triệu đồng.
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	554.481 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển:	4.504.427 triệu đồng.
- Chi thường xuyên:	5.292.543 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi:	3.500 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	165.665 triệu đồng.
b) Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu Ngân sách Trung ương:	6.893.935 triệu đồng.
5. Dự toán khối huyện:	
a) Dự toán thu NSNN:	8.315.980 triệu đồng.
b) Dự toán chi ngân sách:	11.709.989 triệu đồng.
Trong đó:	
- Dự toán chi đầu tư:	2.967.225 triệu đồng.

- Dự toán chi thường xuyên: 8.227.515 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 284.335 triệu đồng.
- 6. Bổ sung ngân sách cấp huyện: 5.369.384 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020 và đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết phải điều chỉnh dự toán, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài chính; Bộ KHĐT;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LỄ ĐÓN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PTH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường